

BỘ CÔNG THƯƠNG**BỘ CÔNG THƯƠNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/2008/QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH**ban hành Quy chế tổ chức kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của các Tập đoàn, Tổng Công ty, Công ty thuộc Bộ Công thương****BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG**

Căn cứ Nghị định số 189/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Bộ Công thương;

Căn cứ Quyết định số 224/2006/QĐ-TTg ngày 06 tháng 10 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 115/2007/TT-BTC ngày 25 tháng 9 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động doanh nghiệp nhà nước;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức kiểm tra, giám sát

và đánh giá hiệu quả hoạt động của các Tập đoàn, Tổng Công ty, Công ty thuộc Bộ Công thương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Quyết định số 10/2007/BCN-TCKT ngày 07 tháng 02 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ban hành Quy chế tổ chức kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của các Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty thuộc Bộ Công nghiệp.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc các Tập đoàn, Tổng Công ty và Giám đốc các công ty thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Cẩm Tú

QUY CHẾ

tổ chức kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của các Tập đoàn, Tổng Công ty, Công ty thuộc Bộ Công thương *(ban hành kèm theo Quyết định số 09/2008/QĐ-BCT ngày 15 tháng 5 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Công thương)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc tổ chức kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của các Tập đoàn, Tổng Công ty Nhà nước, Công ty Nhà nước thuộc Bộ Công thương.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy chế này áp dụng đối với các Tập đoàn, Tổng Công ty Nhà nước, Công ty Nhà nước độc lập trực thuộc Bộ Công thương, Công ty thành viên của các Tập đoàn, Tổng Công ty, Công ty Nhà nước.

2. Quy chế này không áp dụng đối với các Công ty cổ phần đã được Bộ Công thương bàn giao cho Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước.

Điều 3. Mục đích giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của các Tập đoàn, Tổng Công ty, Công ty

1. Nhằm bắt kịp thời thực trạng hoạt động của đơn vị để giúp đơn vị khắc phục tồn tại, hoàn thành mục tiêu và kế

hoạch kinh doanh, nhiệm vụ công ích, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh và khả năng cạnh tranh, đồng thời góp phần hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật.

2. Thông qua đánh giá phân loại doanh nghiệp để có các biện pháp khuyến khích động viên về vật chất, tinh thần đối với những doanh nghiệp và người quản lý điều hành doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả; xử lý kịp thời đối với những doanh nghiệp và người quản lý, điều hành doanh nghiệp yếu kém.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. Giám sát doanh nghiệp là việc theo dõi, kiểm tra doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh, hoạt động công ích, chấp hành chính sách pháp luật.

2. Đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp là việc sử dụng tiêu chí để xác định hiệu quả hoạt động và phân loại doanh nghiệp.

3. Tiêu chí đánh giá là hệ thống các chỉ tiêu, chuẩn mực dùng để xác định hiệu quả hoạt động và phân loại doanh nghiệp một cách toàn diện, khách quan.

Chương II

THỰC HIỆN GIÁM SÁT
DOANH NGHIỆP**Điều 5.** Doanh nghiệp tự giám sát

1. Các Tập đoàn, Tổng Công ty, Công ty Nhà nước phải tổ chức tự giám sát tại Công ty mẹ và các Công ty thành viên. Các Công ty thành viên phải tổ chức tự giám sát trong nội bộ Công ty. Giám sát nội bộ doanh nghiệp được thực hiện theo các quy định trong Luật doanh nghiệp, Quy chế quản lý tài chính doanh nghiệp, Quy chế thực hiện dân chủ ở doanh nghiệp, Quy chế kiểm toán nội bộ, Điều lệ doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật khác.

2. Chủ thể giám sát trong nội bộ doanh nghiệp

a) Người quản lý, điều hành doanh nghiệp: Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc Phó giám đốc, Kế toán trưởng doanh nghiệp (sau đây gọi là Ban Giám đốc);

b) Người lao động trong doanh nghiệp;

c) Nội dung giám sát

Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc doanh nghiệp thông qua Ban kiểm soát, kiểm toán nội bộ, các bộ phận chuyên môn và nghiệp vụ của doanh nghiệp thực

hiện giám sát theo các hình thức giám sát trước, trong và sau hoạt động của doanh nghiệp với các nội dung như sau:

- Xem xét tính hợp lý của việc huy động, phân phối và sử dụng các nguồn lực: tài sản, vật tư, tiền vốn, lao động vào các hoạt động đầu tư xây dựng, sản xuất kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm của doanh nghiệp; việc tuyển dụng, sử dụng lao động và trả lương cho người lao động;

- Kiểm tra tính khả thi của các dự án, kế hoạch ngắn hạn và dài hạn; hiệu quả của dự án huy động vốn, dự án đầu tư xây dựng, các dự án đầu tư ra ngoài doanh nghiệp; hiệu quả hoạt động của các bộ phận trong nội bộ doanh nghiệp; quản lý, sản xuất, tiêu thụ và các phương án kinh doanh;

- Theo dõi, kiểm tra quá trình thực hiện các dự án đầu tư, thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh; tình hình chấp hành các quy định của pháp luật, nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đối với doanh nghiệp không có Hội đồng quản trị. Thông qua người đại diện phần vốn góp giám sát tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các nội dung khác của doanh nghiệp mà mình có tham gia góp vốn;

- Theo dõi, kiểm tra việc phân phối lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp; sử dụng các quỹ khen thưởng, phúc lợi,

quỹ dự phòng mất việc làm của doanh nghiệp đảm bảo quyền lợi, đúng chế độ của người lao động và quy chế nội bộ doanh nghiệp;

- Kiểm tra độ tin cậy của số liệu báo cáo tài chính, bao gồm: tài sản, công nợ, vốn, doanh thu, chi phí và các báo cáo khác của doanh nghiệp;

- Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc doanh nghiệp, hàng quý, năm tổ chức đánh giá tính hiệu lực và hiệu quả các nghị quyết, quyết định trong quản lý điều hành; hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Báo cáo về kết quả, những vấn đề tồn tại và đưa ra các quyết định về quản lý điều hành, các biện pháp xử lý hoặc kiến nghị với chủ sở hữu, với cơ quan chức năng của Nhà nước quyết định những vấn đề không thuộc thẩm quyền của doanh nghiệp.

d) Người lao động trong doanh nghiệp: Thông qua thanh tra nhân dân, tổ chức công đoàn và đại hội công nhân viên chức của tổ đội, phân xưởng và doanh nghiệp thực hiện giám sát theo hình thức tham gia thảo luận, góp ý kiến trước khi cấp có thẩm quyền quyết định và theo dõi quá trình thực hiện về các vấn đề sau:

- Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch, biện pháp phát triển sản xuất, kinh doanh, sắp xếp tổ chức lại sản xuất kinh doanh của công ty;

- Các nội quy, quy chế của công ty liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động;

- Các biện pháp bảo hộ lao động, cải thiện điều kiện làm việc, đời sống vật chất và tinh thần, vệ sinh môi trường, đào tạo và đào tạo lại nghề, nâng cao trình độ của người lao động trong doanh nghiệp;

- Bỏ phiếu thăm dò tín nhiệm đối với các chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị (nếu có). Ban Giám đốc doanh nghiệp khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

Điều 6. Xây dựng kế hoạch, chương trình kiểm tra, giám sát và thực hiện chế độ báo cáo

1. Hàng năm, các Tập đoàn, Tổng Công ty, Công ty Nhà nước có trách nhiệm chỉ đạo các doanh nghiệp thành viên thực hiện việc ký hợp đồng thuê kiểm toán báo cáo tài chính.

2. Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát của các Tập đoàn, Tổng Công ty, công ty đối với từng đơn vị theo Biểu số 8 kèm Quy chế này gửi về Bộ Công thương (Vụ Tài chính) trước ngày 15 của tháng cuối quý I hàng năm.

3. Vào ngày 20 của tháng cuối quý, cuối năm, các đơn vị phải có báo cáo kết quả tình hình thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình tài chính

của các đơn vị đã được kiểm tra trong quý, năm theo Biểu số 9 kèm theo Quy chế này gửi về Bộ Công thương (Vụ Tài chính).

4. Hàng năm các doanh nghiệp tự đánh giá, xếp loại doanh nghiệp và gửi báo cáo xếp loại doanh nghiệp theo: Biểu số 1, Biểu số 2, Biểu số 3, Biểu số 4, Biểu số 5, Biểu số 6, Biểu số 7 kèm theo Quy chế này. Thời hạn nộp báo cáo cùng với thời hạn nộp báo cáo tài chính quy định tại khoản 5 Điều này.

5. Báo cáo quyết toán tài chính năm phải được kiểm toán của Công ty kiểm toán độc lập và gửi về Bộ Công thương chậm nhất sau 90 ngày đối với các Tập đoàn, Tổng Công ty và 60 ngày đối với các Công ty.

6. Hàng quý, năm các Tập đoàn, Tổng Công ty, Công ty tổ chức đánh giá tính hiệu lực và hiệu quả của các nghị quyết, quyết định trong quản lý điều hành; hàng năm đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh và công tác tự kiểm tra giám sát của doanh nghiệp, lập Báo cáo tổng hợp tình hình kiểm tra giám sát theo quy định tại khoản 3 Điều 8 của Quy chế này, báo cáo về Bộ sau 90 ngày khi kết thúc năm.

Điều 7. Thực hiện giám sát của chủ sở hữu

1. Các Tập đoàn, Tổng Công ty, Công ty Nhà nước thuộc Bộ Công thương

được Chính phủ phân cấp hoặc ủy quyền là đại diện chủ sở hữu tại Công ty nhà nước tổ chức thực hiện việc giám sát và đánh giá hiệu quả doanh nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó:

a) Hội đồng quản trị Tập đoàn, Tổng công ty Nhà nước thực hiện chức năng giám sát của Chủ sở hữu đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty thành viên hạch toán độc lập (sau đây gọi chung là Công ty thành viên) theo quy định tại Điều 6 Quy chế giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 224/2006/QĐ-TTg ngày 06 tháng 10 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước.

Hội đồng quản trị Tổng Công ty thực hiện giám sát đối với Tổng giám đốc hoặc Giám đốc Công ty thành viên; người được ủy quyền đại diện chủ sở hữu hoặc đại diện phần vốn của Công ty nhà nước tại doanh nghiệp khác trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và điều lệ công ty;

b) Bộ Công thương:

- Thực hiện chức năng giám sát theo quy định tại điểm a, điểm b và điểm c

khoản 3 Điều 6 Quy chế giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 224/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đối với các Tập đoàn, Tổng Công ty nhà nước, Công ty nhà nước độc lập do Thủ tướng Chính phủ hoặc Bộ Công thương quyết định thành lập;

- Giám sát việc thực hiện chức năng tự giám sát của doanh nghiệp theo quy định tại Điều 5, Điều 6 và điểm a khoản 1 Điều 7 của Quy chế này.

c) Trong những trường hợp cần thiết Bộ Công thương phối hợp với Bộ Tài chính tổ chức giám sát, đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý, sử dụng vốn, phân phối thu nhập, trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp nhà nước.

2. Đối với doanh nghiệp nhà nước khác bao gồm: công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn có 02 thành viên trở lên có vốn góp chi phối của Nhà nước, công ty nhà nước thực hiện chức năng giám sát theo quy định tại Điều lệ công ty và các nội dung giám sát của chủ sở hữu quy định tại khoản 3 Điều 6 Quy chế giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 224/2006/QĐ-TTg.

Điều 8. Các hình thức giám sát doanh nghiệp

1. Giám sát gián tiếp là hình thức giám sát chủ yếu của Bộ Công thương thông qua kế hoạch và các báo cáo quy định tại Điều 6 của Quy chế này để theo dõi và kiểm tra hoạt động của doanh nghiệp.

a) Các doanh nghiệp có trách nhiệm nộp đầy đủ, đúng hạn các kế hoạch và báo cáo theo quy định tại Điều 6 Quy chế này;

b) Vụ Tài chính định kỳ tổ chức phân tích, đánh giá hiệu quả hoạt động và tình hình tài chính doanh nghiệp, người quản lý điều hành doanh nghiệp theo nội dung giám sát quy định tại khoản 3 Điều 6 Quy chế giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 224/2006/QĐ-TTg.

2. Giám sát trực tiếp là thông qua kiểm tra, nắm tình hình trực tiếp tại doanh nghiệp. Đây là giải pháp bổ sung cho hình thức giám sát gián tiếp, nhằm nâng cao hiệu quả công tác giám sát.

a) Trường hợp cần thiết Bộ Công thương sẽ phối hợp với Bộ Tài chính giám sát trực tiếp tại một số Tập đoàn, Tổng Công ty, Công ty Nhà nước độc lập trực thuộc Bộ;

b) Tổ giám sát gồm các thành phần sau:

- Vụ Tài chính;
- Vụ Tổ chức cán bộ;
- Đại diện Cục Tài chính doanh nghiệp (Bộ Tài chính).

c) Các đơn vị được giám sát trực tiếp phải chuẩn bị đầy đủ các tài liệu kế hoạch, báo cáo theo quy định tại Điều 6 Quy chế này và phải làm báo cáo tổng hợp tình hình kiểm tra giám sát của đơn vị theo quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Báo cáo tổng hợp tình hình kiểm tra giám sát của đơn vị gồm các nội dung sau:

a) Tình hình tổ chức, hoạt động kinh doanh, nhiệm vụ quản lý của Hội đồng quản trị, nhiệm vụ điều hành của Tổng giám đốc, Ban Giám đốc Công ty thành viên;

b) Tình hình thực hiện nhiệm vụ của người và đơn vị được giao đại diện quản lý phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp khác;

c) Tình hình thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ được giao, chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn và hàng năm của Tập đoàn, Tổng Công ty, Công ty và các đơn vị thành viên;

d) Tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động của Tập đoàn, Tổng Công ty, Công ty và các đơn vị thành viên. Tình hình bảo toàn vốn, tài sản và khả năng thanh

toán nợ của Tập đoàn, Tổng Công ty, Công ty và các đơn vị thành viên;

đ) Việc chấp hành các nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu, Hội đồng quản trị, điều lệ của doanh nghiệp, đánh giá hiệu quả của các nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu đối với hoạt động của doanh nghiệp;

e) Tình hình thực hiện công tác kiểm toán, kiểm tra và công tác tự giám sát của Tập đoàn, Tổng Công ty, Công ty. Tình hình thực hiện các kiến nghị của các cơ quan kiểm toán, kiểm tra, thanh tra;

g) Tình hình xây dựng và thực hiện chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Tập đoàn, Tổng Công ty, Công ty và các doanh nghiệp thành viên;

h) Tình hình tự đánh giá và xếp loại doanh nghiệp của Tập đoàn, Tổng Công ty, Công ty và các doanh nghiệp thành viên;

i) Kiến nghị các cơ quan Nhà nước xử lý những vấn đề tồn tại vượt thẩm quyền của doanh nghiệp;

k) Các đề xuất, kiến nghị sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng cho các doanh nghiệp.

4. Thực hiện giám sát trước, trong và sau hoạt động của doanh nghiệp theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Quy chế giám

sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 224/2006/QĐ-TTg.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp trong quá trình giám sát

Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp được thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy chế giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 224/2006/QĐ-TTg.

Điều 10. Nhiệm vụ và quyền hạn của các Vụ chức năng thuộc Bộ Công thương trong hoạt động giám sát

1. Tiếp nhận các báo cáo, ý kiến của doanh nghiệp phản ánh về chính sách, pháp luật đối với doanh nghiệp; tổ chức khảo sát, đánh giá về tác động của chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với doanh nghiệp. Kiến nghị sửa đổi, bổ sung chính sách, chế độ đối với doanh nghiệp.

2. Tổ chức giám sát doanh nghiệp theo chức năng và nhiệm vụ của mình, hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện tốt chính sách, pháp luật của Nhà nước, phát hiện kịp thời những tồn tại và khó khăn của doanh nghiệp để chỉ đạo doanh nghiệp tìm giải pháp hoặc có giải pháp giúp doanh nghiệp khắc phục.

3. Tổ chức giám sát đột xuất khi cần thiết. Việc giám sát được thực hiện theo

chuyên đề hoặc toàn diện hoạt động của doanh nghiệp theo quy định của Nhà nước và Quy chế này.

4. Nhận xét, đánh giá và kết luận về những nội dung giám sát; yêu cầu doanh nghiệp đưa ra các giải pháp hoặc thực hiện các giải pháp khắc phục theo kết luận giám sát.

5. Tổng hợp kết quả đánh giá xếp loại doanh nghiệp báo cáo cơ quan chức năng của Nhà nước có liên quan.

6. Yêu cầu các Tập đoàn, Tổng Công ty, Công ty Nhà nước trực thuộc Bộ nộp đầy đủ, kịp thời các kế hoạch, báo cáo định kỳ và các báo cáo đột xuất để nghiên cứu, phân tích, tổng hợp phục vụ cho việc giám sát.

7. Yêu cầu doanh nghiệp khắc phục kịp thời những thiếu sót, tồn tại, thực hiện nghiêm chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Điều 11. Chế độ báo cáo

1. Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc Công ty nhà nước không có Hội đồng quản trị; Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty (đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên) có trách nhiệm lập báo cáo kết quả giám sát doanh nghiệp, kết quả hoạt động quản lý của mình và điều hành của Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, người đại diện theo ủy quyền hoặc đại diện phần vốn của Công

ty nhà nước tại doanh nghiệp khác theo quy định tại Quy chế này.

2. Báo cáo kết quả giám sát được gửi tới Bộ Công thương (đối với Công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ, Bộ quản lý ngành quyết định thành lập) và Bộ Tài chính. Đối với Công ty nhà nước đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ trực tiếp thực hiện một số quyền của chủ sở hữu thì báo cáo kết quả giám sát phải gửi Thủ tướng Chính phủ.

3. Vụ Tài chính có trách nhiệm tổng hợp và báo cáo kết quả giám sát Công ty nhà nước, kết quả hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc giám đốc Công ty nhà nước theo quy định.

Chương III

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 12. Hệ thống chỉ tiêu đánh giá

Hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 12 Quy chế giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 224/2006/QĐ-TTg.

Điều 13. Phương pháp đánh giá

Thực hiện theo quy định tại Điều 13 Quy chế giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 224/2006/QĐ-TTg.

Điều 14. Xếp loại doanh nghiệp

Việc xếp loại doanh nghiệp và xếp loại kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quy chế giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 224/2006/QĐ-TTg.

Điều 15. Công bố xếp loại doanh nghiệp nhà nước

1. Căn cứ vào quy định tại Quy chế này và các văn bản hiện hành của Nhà nước, hàng năm các doanh nghiệp thành viên, doanh nghiệp độc lập trực thuộc Bộ tổ chức tự đánh giá và xếp loại doanh nghiệp; báo cáo kết quả tự xếp loại về Tập đoàn, Tổng Công ty, Công ty mẹ (đối với các doanh nghiệp thành viên) và Bộ Công thương (đối với các doanh nghiệp trực thuộc Bộ). Báo cáo này được gửi cùng với báo cáo tài chính hàng năm của doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

2. Các Tập đoàn, Tổng Công ty, Công ty mẹ tiến hành thẩm định và công bố kết

quả xếp loại năm trước của các doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý trên trang tin điện tử Internet (Website) của đơn vị hoặc đăng báo hàng ngày của Trung ương trong 03 số liên tiếp.

3. Trên cơ sở phân loại các doanh nghiệp thành viên, các Tập đoàn, Tổng Công ty, Công ty mẹ tự đánh giá xếp loại doanh nghiệp đối với Tập đoàn, Tổng Công ty, Công ty mẹ kèm theo kết quả đánh giá phân loại các doanh nghiệp thành viên báo cáo Bộ Công thương.

4. Bộ Công thương thẩm tra và công bố kết quả phân loại các Tập đoàn, Tổng Công ty, Công ty mẹ và các doanh nghiệp độc lập thuộc Bộ sau khi có ý kiến thỏa thuận bằng văn bản của Bộ Tài chính.

Điều 16. Khen thưởng và kỷ luật

1. Căn cứ mức độ hoàn thành nhiệm vụ và kết quả xếp loại doanh nghiệp hàng năm các Tập đoàn, Tổng Công ty, Công ty mẹ quyết định khen thưởng đối với doanh nghiệp thành viên. Bộ Công thương quyết định khen thưởng đối với các Tập đoàn, Tổng Công ty, Công ty mẹ và các Công ty độc lập thuộc phạm vi quản lý của mình theo phân cấp tại Điều 16 Quy chế giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 224/2006/QĐ-TTg.

2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc các Tập đoàn, Tổng Công ty và doanh nghiệp không hoàn thành nhiệm vụ, không báo cáo kết quả giám sát, đánh giá và xếp loại doanh nghiệp theo quy định phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và không được trích lập, sử dụng quỹ khen thưởng Ban quản lý điều hành.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Vụ Tài chính chủ trì phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quy chế này. Chủ trì xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và giám sát tài chính đối với các Tập đoàn, Tổng Công ty, Công ty Nhà nước trực thuộc Bộ. Tổng hợp kết quả thực hiện quý, năm gửi Bộ Tài chính và báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì phối hợp với các Vụ chức năng thuộc Bộ thẩm tra hồ sơ và công bố xếp loại doanh nghiệp, khen thưởng, kỷ luật bộ máy điều hành các Tập đoàn, Tổng Công ty, Công ty Nhà nước trực thuộc Bộ theo chế độ và phân cấp của Thủ tướng Chính phủ.

Tổng hợp báo cáo xếp loại doanh nghiệp hàng năm gửi Bộ Tài chính để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

3. Các Vụ chức năng, Thanh tra Bộ và Văn phòng Bộ thực hiện việc giám sát doanh nghiệp theo chức năng nhiệm vụ được giao.

4. Các Tập đoàn, Tổng Công ty, Công ty thuộc Bộ có trách nhiệm tổ chức công tác tự giám sát trong Tập đoàn, Tổng

Công ty, Công ty mẹ và các Công ty thành viên, báo cáo và chỉ đạo các đơn vị thành viên thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của Nhà nước và các quy định tại Quy chế này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Cẩm Tú

Biểu số 01

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD CỦA DOANH NGHIỆP

Quý.... năm....

(kèm theo Quyết định số 09/2008/QĐ-BCT ngày 15 tháng 5 năm 2008
của Bộ trưởng Bộ Công thương)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm	Thực hiện quý...	Lũy kế	So sánh với cùng kỳ năm trước (%)
1	2	3	4	5	6	7
1	Tổng số doanh nghiệp	DN				
	- Doanh nghiệp có lãi	DN	x			
	- Doanh nghiệp hòa vốn	DN	x			
	- Doanh nghiệp lỗ	DN	x			
2	Tổng số lao động	người				
3	Tổng quỹ lương	Tr.đ				
4	Tổng số vốn Nhà nước (*)	Tr.đ				
5	Tổng số phát sinh phải nộp NS	Tr.đ				
6	Tổng nợ phải trả	Tr.đ	x			
	- Nợ Ngân hàng	Tr.đ	x			
	- Nợ quá hạn	Tr.đ	x			
7	Tổng tài sản	Tr.đ				
	Trong đó tổng nợ phải thu	Tr.đ	x			
	- Nợ khó đòi	Tr.đ	x			
8	Kết quả kinh doanh					
	- Doanh thu	Tr.đ				
	- Lãi thực hiện (không thuế)	Tr.đ				
	- Lỗ thực hiện	Tr.đ				

.... ngày.... tháng.... năm....

NGƯỜI LẬP BIỂU

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Ghi chú:

- Công ty nhà nước độc lập không điền số liệu vào chỉ tiêu 1.
- Các chỉ tiêu có dấu (*) cột kế hoạch năm lấy số dư đầu kỳ ghi trên báo cáo tài chính.
- Các chỉ tiêu có dấu (x) ở cột kế hoạch năm không ghi số liệu.

Biểu số 02

BÁO CÁO XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP

Doanh nghiệp hoạt động kinh doanh

*(kèm theo Quyết định số 09/2008/QĐ-BCT ngày 15 tháng 5 năm 2008**của Bộ trưởng Bộ Công thương)*

Tên doanh nghiệp

Ngành nghề kinh doanh

TT	Chi tiêu	Doanh nghiệp tự xếp loại			Thẩm định của cơ quan cấp trên
		Năm trước	Năm nay	Tỷ lệ (%) (năm nay/năm trước)	
Chỉ tiêu 1	Doanh thu và thu nhập khác hoặc sản lượng sản phẩm tiêu thụ trong kỳ (triệu đồng)				09625331
Chỉ tiêu 2	Lợi nhuận thực hiện (triệu đồng) Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn NN (%)				
Chỉ tiêu 3	Nợ phải trả quá hạn (triệu đồng) Khả năng thanh toán nợ đến hạn				
Chỉ tiêu 4	Tình hình chấp hành các quy định hiện hành				
Chỉ tiêu 5	Tình hình thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích				
		Doanh nghiệp xếp loại			

XÁC NHẬN CƠ QUAN
CẤP TRÊN

(Ký tên đóng dấu)

NGƯỜI LẬP BIỂU

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP

(Ký tên đóng dấu)

Biểu số 03

BÁO CÁO XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP

Doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ công ích của Nhà nước

(kèm theo Quyết định số 09/2008/QĐ-BCT ngày 15 tháng 5 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Công thương)

Tên doanh nghiệp

Ngành nghề kinh doanh

TT	Chi tiêu	Doanh nghiệp tự xếp loại				Thẩm định của cơ quan cấp trên
		Năm trước	Năm nay	Tỷ lệ (%) N.nay/ N.trước	Xếp loại	
Chỉ tiêu 3	Nợ phải trả quá hạn (tr.đồng)					09625331
Chỉ tiêu 4	Khả năng thanh toán nợ đến hạn					
Chỉ tiêu 5	Tình hình chấp hành các quy định pháp luật hiện hành					
	Tình hình thực hiện nhiệm vụ công ích do Nhà nước giao (sản lượng, tấn...)					
		DN xếp loại	Năm nay			
			Năm trước			

XÁC NHẬN CƠ QUAN
CẤP TRÊN

(Ký, đóng dấu)

NGƯỜI LẬP BIỂU

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP

(Ký, đóng dấu)

Biểu số 04

BÁO CÁO XẾP LOẠI TỔNG CÔNG TY NHÀ NƯỚC, CÔNG TY MẸ
(kèm theo Quyết định số 09/2008/QĐ-BCT ngày 15 tháng 5 năm 2008
của Bộ trưởng Bộ Công thương)

Tên doanh nghiệp

Ngành nghề kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ % trên tổng doanh thu	Doanh nghiệp tự xếp loại	Thẩm định của cơ quan cấp trên
1	Doanh nghiệp thành viên (*)			
2	Doanh nghiệp thành viên			
3	Doanh nghiệp thành viên			
			
	Tổng doanh thu toàn Tổng công ty (Tr.đồng)			
	Tổng lợi nhuận toàn Tổng công ty (Tr.đồng) (**)			
	Xếp loại Tổng công ty:			
		Năm nay		
		Năm trước		

XÁC NHẬN CỦA
CẤP TRÊN

NGƯỜI LẬP BIỂU

GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
(Ký, đóng dấu)

Ghi chú: (*) Doanh nghiệp thành viên gồm các công ty TNHH một thành viên, công ty thành viên hạch toán độc lập, Văn phòng Tổng công ty, Công ty cổ phần hoặc vốn góp chi phối của Tổng công ty (báo cáo gửi kèm Biểu số 2, Biểu số 3 của các doanh nghiệp thành viên).

(**) Lợi nhuận đã bù trừ lãi, lỗ giữa các doanh nghiệp thành viên Tổng công ty.

Chủ sở hữu

(HQĐT Tổng công ty Nhà nước, Bộ quản lý ngành, UBND cấp tỉnh)

TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ DOANH NGHIỆP

Năm....

(kèm theo Quyết định số 09/2008/QĐ-BCT ngày 15 tháng 5 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Công thương)

Tên DN	Loại hình DN (Công ty NN Công ty CP)	Chi tiêu 1 (tr.đ)			Chi tiêu 2						Chi tiêu 3			Chi tiêu 4 Xếp loại	Chi tiêu 5 Xếp loại	Xếp loại DN năm nay	Xếp loại DN năm trước
		Doanh thu và thu nhập khác			Lợi nhuận (Tr.đ)		Vốn (Tr.đ)		Tỷ suất LN/vốn (%)		Xếp loại	Nợ quá hạn (Tr.đ)	Hệ số khả năng T/toán				
		Năm trước	Năm nay	Xếp loại	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay							
DN kinh doanh:																	
DN...																	
DN...																	
DN...																	
DN công ích																	

DN...																			
DN...																			
DN...																			
TCTy																			
DN																			
t/viên																			
DN																			
t/viên																			
DN																			
t/viên																			

Ngày.... tháng.... năm....

Ghi chú: Chỉ tiêu vốn được xác định như sau: Công ty nhà nước là vốn nhà nước; Công ty cổ phần là vốn chủ sở hữu
 Doanh nghiệp thành viên gồm các Công ty TNHH một thành viên, Công ty thành viên hạch toán độc lập, Công ty CP
 hoặc vốn góp chi phối của Tổng công ty.

NGƯỜI LẬP BIỂU

CHỦ SỞ HỮU
 (HĐQT, UBND CẤP TỈNH, BỘ, CƠ QUAN TW)

Biểu số 06

BÁO CÁO XẾP LOẠI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC

Năm....

(kèm theo Quyết định số 09/2008/QĐ-BCT ngày 15 tháng 5 năm 2008
của Bộ trưởng Bộ Công thương)

TT	Chi tiêu	Chi tiêu
1	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư (%) + Kế hoạch + Thực hiện	
2	Chấp hành các Nghị quyết, Quyết định của Chủ sở hữu, HĐQT, Điều lệ của Doanh nghiệp (đánh dấu x) + Chấp hành + Không chấp hành, không chấp hành đầy đủ	
3	Doanh nghiệp xếp loại (A, B hoặc C)	

Xếp loại (đánh dấu x)	DN tự xếp loại	Thẩm định của cấp trên
+ Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ		
+ Hoàn thành nhiệm vụ		
+ Không hoàn thành nhiệm vụ		

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN
CẤP TRÊN
(Ký, đóng dấu)

NGƯỜI LẬP BIỂU

HĐQT
(Ký, đóng dấu)

Biểu số 07

CHỦ SỞ HỮU

(HĐQT, Bộ quản lý ngành, UBND cấp tỉnh)

CÔNG KHAI KẾT QUẢ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP

Năm...

(kèm theo Quyết định số 09/2008/QĐ-BCT ngày 15 tháng 5 năm 2008
của Bộ trưởng Bộ Công thương)

Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Kết quả xếp loại DN năm nay	Kết quả xếp loại DN năm trước
Doanh nghiệp kinh doanh DN... DN... DN...			
DN công ích DN... DN... DN...			
Tổng công ty DN thành viên DN thành viên DN thành viên			

09625331

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Ghi chú: (in cùng bản công bố thông tin)

- Loại A: doanh nghiệp hoạt động kinh doanh có hiệu quả
- Loại B: doanh nghiệp hoạt động bình thường
- Loại C: doanh nghiệp hoạt động kinh doanh yếu kém.

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN NGƯỜI LẬP BIỂU GIÁM ĐỐC DOANH NGHIỆP
CẤP TRÊN

(Ký, đóng dấu)

(Ký, đóng dấu)

Tên đơn vị: Tổng Công ty
(Công ty)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu số 08

**KẾ HOẠCH KIỂM TRA, GIÁM SÁT
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA TẬP ĐOÀN, TỔNG CÔNG TY, CÔNG TY
NĂM...**

*(kèm theo Quyết định số 09/2008/QĐ-BCT ngày 15 tháng 5 năm 2008
của Bộ trưởng Bộ Công thương)*

I. Chỉ tiêu số lượng: (ghi theo số lượng đơn vị)

1. Tổng số đơn vị thành viên:

Trong đó: - Doanh nghiệp độc lập:

- Doanh nghiệp phụ thuộc:

Diễn giải	Thực hiện kiểm tra, giám sát năm trước	Kế hoạch kiểm tra, giám sát năm nay	Ghi chú
<p>2. Số đơn vị tiến hành hợp đồng thuê kiểm toán độc lập:</p> <p>Trong đó: - Doanh nghiệp độc lập: - Doanh nghiệp phụ thuộc:</p> <p>3. Số đơn vị Tập đoàn, Tổng Công ty (Công ty) tự tổ chức kiểm tra, kiểm toán nội bộ:</p> <p>Trong đó: - Doanh nghiệp độc lập: - Doanh nghiệp phụ thuộc:</p>			09/25/11

II. Danh mục các đơn vị

Diễn giải	Nội dung kiểm toán
<p>1. Các đơn vị được kiểm toán độc lập</p> <p>a) Các doanh nghiệp độc lập: (Liệt kê cụ thể theo từng đơn vị)</p>	<p>Ghi khái quát nội dung kiểm toán (kiểm toán báo cáo tài chính, báo cáo đầu tư)</p>

Diễn giải	Nội dung kiểm toán
b) Các doanh nghiệp phụ thuộc: (Liệt kê cụ thể theo từng đơn vị) 2. Các đơn vị được Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty trực thuộc Bộ kiểm tra, kiểm toán nội bộ a) Các doanh nghiệp độc lập: (Liệt kê cụ thể theo từng đơn vị) b) Các doanh nghiệp phụ thuộc: (Liệt kê cụ thể theo từng đơn vị)	Ghi khái quát nội dung kiểm tra, kiểm toán nội bộ
3. Các đơn vị được Bộ Tài chính thanh tra, Kiểm toán NN kiểm toán, Thanh tra thuế thanh tra, Bộ CN Thanh tra và kiểm tra:	
a) Các doanh nghiệp độc lập: (Liệt kê cụ thể theo từng đơn vị) b) Các doanh nghiệp phụ thuộc: (Liệt kê cụ thể theo từng đơn vị)	Ghi khái quát nội dung thanh tra, kiểm toán

III. Kiến nghị

Kiến nghị các cơ quan nhà nước các giải pháp vượt quá thẩm quyền của Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty trực thuộc Bộ.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Tên đơn vị: Tổng Công ty
(Công ty)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu số 09

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA, GIÁM SÁT
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA TẬP ĐOÀN, TỔNG CÔNG TY, CÔNG TY
NĂM...**

*(kèm theo Quyết định số 09/2008/QĐ-BCT ngày 15 tháng 5 năm 2008
của Bộ trưởng Bộ Công thương)*

I. Chi tiêu số lượng: (ghi theo số lượng đơn vị)

1. Tổng số đơn vị thành viên:

Trong đó: - Doanh nghiệp độc lập:

- Doanh nghiệp phụ thuộc:

Diễn giải	Kế hoạch kiểm tra, giám sát năm...	Thực hiện quý... năm...	Lũy kế từ đầu năm
2. Số đơn vị tiến hành hợp đồng thuê kiểm toán độc lập: Trong đó: - Doanh nghiệp độc lập: - Doanh nghiệp phụ thuộc:			
3. Số đơn vị Tập đoàn, Tổng Công ty (Công ty) tự tổ chức kiểm tra, kiểm toán nội bộ: Trong đó: - Doanh nghiệp độc lập: - Doanh nghiệp phụ thuộc:			

II. Kết quả kiểm tra, giám sát và danh mục các đơn vị đã kiểm tra, giám sát từ đầu năm đến quý báo cáo

Diễn giải	Nội dung kiểm toán
1. Các đơn vị được kiểm toán độc lập kiểm toán xong: a) Các doanh nghiệp độc lập: (Liệt kê cụ thể theo từng đơn vị)	Ghi khái quát những nội dung đã kiểm toán và kết quả kiểm toán

Diễn giải	Nội dung kiểm toán
b) Các doanh nghiệp phụ thuộc: (Liệt kê cụ thể theo từng đơn vị) 2. Các đơn vị được Tập đoàn, Tổng Công ty, Công ty trực thuộc Bộ kiểm tra, kiểm toán nội bộ xong: a) Các doanh nghiệp độc lập: (Liệt kê cụ thể theo từng đơn vị) b) Các doanh nghiệp phụ thuộc: (Liệt kê cụ thể theo từng đơn vị)	Ghi khái quát những nội dung đã kiểm tra, kiểm toán nội bộ và kết quả kiểm tra, kiểm toán nội bộ
3. Các đơn vị được Bộ Tài chính thanh tra, Kiểm toán NN kiểm toán, Thanh tra thuế thanh tra, Bộ CN Thanh tra và kiểm tra:	
a) Các doanh nghiệp độc lập: (Liệt kê cụ thể theo từng đơn vị) b) Các doanh nghiệp phụ thuộc: (Liệt kê cụ thể theo từng đơn vị)	

III. Tình hình xử lý kết quả kiểm tra, giám sát

1. Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty trực thuộc Bộ đã ra các văn bản xử lý kết quả kiểm tra kiểm toán (Cần thống kê cụ thể từng văn bản và nội dung xử lý đối với từng đơn vị).

2. Kiến nghị các cơ quan nhà nước các giải pháp vượt quá thẩm quyền của Tập đoàn, Tổng công ty, Công ty trực thuộc Bộ.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)